

Số: 2096/TB-SGDĐT

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 10 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2019, tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 10/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2019, tỉnh Sóc Trăng; Thông báo số 01/TB.HĐ-SNV ngày 01/10/2019 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên năm 2019,

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo nội dung xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2019 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ XÉT THĂNG HẠNG

Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và trường chuyên biệt công lập hoặc đang giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên trong các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, cấp huyện, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và đã được xếp hạng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II.

II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT, giáo viên dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2019, tỉnh Sóc Trăng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng và được cấp có thẩm quyền cử tham dự xét thăng hạng.

2. Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 (ba) năm học liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự xét; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

3. Đang xếp hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05); giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08); giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12); giáo viên trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15).

4. Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập; Thông tư liên tịch số 21, 22, 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, THCS, THPT công lập.

III. THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

1. Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo **Mẫu số 01**.
2. Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo **Mẫu số 02** ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức.
3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 (ba) năm học liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự xét; nhận xét về phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; xác định cụ thể về việc có hoặc không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo **mẫu số 03** và kèm theo bản pho to đánh giá xếp loại từ năm 2017 đến 2019 theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP.
4. Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét được cơ quan có thẩm quyền chứng thực:
 - a) Bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm trở lên hoặc Đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên.
 - b) Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II phù hợp với cấp học tham gia dự xét thăng hạng.
 - c) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ **bậc 2** theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (**Lưu ý: giáo viên có thể nộp các chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương như chứng chỉ tiếng Anh thực hành B, C hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương khác; không chấp nhận Giấy chứng nhận tiếng dân tộc**).
- Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (**bao gồm: Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc...**).
- d) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công

nghệ thông tin (*Lưu ý: các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT Cơ bản*).

5. Giấy chứng nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên.

6. Quyết định tuyển dụng, Quyết định bổ nhiệm vào hạng lần đầu (trước đây là ngạch, công nhận hết tập sự), Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập hạng III, Quyết định lương hiện hưởng hoặc các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập hạng III tối thiểu từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

7. Các minh chứng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của hạng giáo viên từng cấp học được quy định tại Điểm II.3 Khoản II Mục B Thông báo số 01/TB.HĐ-SNV ngày 01/10/2019 (*Lưu ý: giáo viên nộp minh chứng theo biểu mẫu: THPT-2A, 3A: THCS-2B, 3B; Tiểu học-2C, 3C; Mầm non-2D, 3D phù hợp với cấp học tham gia xét thăng hạng*).

IV. Nội dung, hình thức xét thăng hạng, miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học, cách tính điểm hồ sơ và điểm sát hạch, nguyên tắc xác định người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp của kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2019, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện theo Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 10/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

V. LỆ PHÍ

- Lệ phí xét theo quy định Thông tư liên tịch số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Lưu ý: Hồ sơ đăng ký gồm: 01 bộ hồ sơ dự xét của mỗi giáo viên được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 X 340 X 5 mm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần sơ cán bộ, công chức; bên ngoài bì đựng hồ sơ ghi rõ thành phần hồ sơ, số điện thoại liên hệ và sắp xếp thành phần hồ sơ dự xét theo đúng trình tự nêu trên.

- Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức dự xét thăng hạng và tính xác thực của các loại hồ sơ; lập danh sách và gửi hồ sơ về phòng Tổ chức cán bộ - Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 16/10/2019** kèm file danh sách theo địa chỉ: phongtccb.sosoctrang@moet.edu.vn. Quá thời gian nêu trên, đơn vị nào không gửi danh sách, hồ sơ xem như không dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2019.

(Đơn vị truy cập Trang thông tin điện tử Sở GD&ĐT tại website: <http://www.soctrang.edu.vn> hoặc <https://soctrang.gov.vn> để tải các biểu mẫu, các văn bản có liên quan)

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về phòng Tổ chức Cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Đơn vị trực thuộc Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Tuyết Hà